TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:87/DS-PT
Ngày: 23/8/2025
V/v tranh chấp thừa kế tài sản và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Cường.

Các thẩm phán: Ông Điều Văn Hằng.

Ông Nguyễn Nam Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Hải Anh - Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện C2 tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Toà Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại HN xét xử phúc thẩm C2 khai vụ án thụ lý số 308/2025/TLPT-DS ngày 07 tháng 6 năm 2025 về việc tranh chấp thừa kế tài sản và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1762/2025/QĐ-PT ngày 07 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Bùi Thị Q1, sinh 1966, số điện thoại: 0898275608, địa chỉ: Tổ dân phố 5, phường AD, thành phố HP (trước đây là thị trấn AD, huyện AD (phường LL, quận DA), thành phố HP); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Lê Đức B1 – Văn phòng Luật sư 19.8 thuộc Đoàn Luật sư thành phố HP; có mặt.

2. *Bị đơn*: Ông Bùi Văn C1, địa chỉ: Thôn VP, phường AD, thành phố HP (trước đây là xã ĐT, huyện AD (phường ĐT, quận AD), thành phố HP); có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Bùi Văn B2, ông Bùi Văn Đ1, bà Lê Thị Kim N1, chị Bùi Thị M1 và anh Cao Đình C2, địa chỉ: Thôn VP, phường AD, thành phố HP (trước đây là xã ĐT, huyện AD (phường ĐT, quận AD), thành phố HP); đều vắng mặt.

- Bà Bùi Thị M2, địa chỉ: Số 144 HP, phường DK, thành phố HP (trước đây là phường HN, quận DK, thành phố HP); vắng mặt.

- Ông Bùi Văn B3, sinh 1958; số điện thoại: 0903444175, địa chỉ: Số nhà 48

ngõ ĐD, cụm dân cư Đại lộ TĐT, phường AH, thành phố HP (trước đây là xã AĐ, huyện AD (phường ĐT, quận AD), thành phố HP); có mặt.

- Anh Bùi Ngọc D1 và chị Lê Thị Ái L1, địa chỉ: Số 1/30 ĐKN, phường LC, thành phố HP (trước đây là phường CD (phường AB), quận LC, thành phố HP); có mặt anh D1, chị L1 vắng mặt.

- Anh Lê Khắc T1, địa chỉ: Số 05 lô 22 C2 nhân DH, phường LC, thành phố HP (trước đây là phường DH (phường TNH), quận LC, thành phố HP); vắng mặt.

- Ủy B4nhân dân phường AD, thành phố HP (kế thừa quyền và nghĩa vụ của UBND huyện AD, thành phố HP); vắng mặt.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố HP (kế thừa quyền và nghĩa vụ của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố HP); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Bùi Thị Q1 trình bày*:

Bố mẹ bà Q1 là cụ Bùi Văn B4, sinh năm 1923 (chết năm 2005) và Trần Thị C1, sinh năm 1925 (chết năm 2013). Bố mẹ bà Q1 sinh được 07 người con là: Ông Bùi Văn B2, sinh năm 1947, ông Bùi Văn B5, sinh năm 1952 (chết năm 1970), bà Bùi Thị M2, sinh năm 1956; ông Bùi Văn B3, sinh năm 1958; ông Bùi Văn Đ1, sinh năm 1961; ông Bùi Văn C1, sinh năm 1963 và bà Bùi Thị Q1, sinh năm 1966. Bố mẹ bà Q1 không có con nuôi, con nhận, con riêng nào khác. Ông bà nội của bà Q1 là cụ Bùi Văn T2 và Cao Thị T3 đều đã chết, ông bà ngoại của bà Q1 tên là gì bà Q1 không nắm được chỉ biết đều đã chết. Khi bố mẹ còn sống thì bố mẹ bà ở cùng vợ chồng ông B2.

Khi còn sống bố mẹ bà Q1 có tài sản chung là 03 thừa đất: Thửa thứ nhất diện tích 1036m2 tại Thôn VP, xã ĐT, huyện AD, thành phố HP; Thửa thứ hai diện tích 400m2 đất ở Thôn VP, xã ĐT, huyện AD (nay là phường ĐT, quận AD), thành phố HP; Thửa thứ ba diện tích 1,2 sào (đất trồng rau xanh 03). Nguồn gốc đất là của các cụ đời trước để lại, bà Q1 được nghe bố mẹ nói lại. Khi còn sống bố mẹ bà Q1 đã định đoạt một phần tài sản cho ông Bùi Văn B2 560m2và Bùi Văn Đ1 400m2 và cả hai ông đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ). Bố mẹ trước khi chết không để lại di chúc. Tài sản của bố mẹ bà Q1 để lại trước khi chết gồm:

- Diện tích 122m2 thửa đất số 463 tờ bản đồ số 02 tại thôn VP, xã ĐT, huyện AD (nay là phường ĐT, quận AD), thành phố HP. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ Bùi Văn B4, diện tích đất này hiện đang được anh Bùi Ngọc D1 quản lý.

- Diện tích 364m2 thuộc thửa đất số 408 tờ bản đồ số 02 tại VP, xã ĐT, huyện AD nay là phường ĐT, quận AD), thành phố HP. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Bùi Văn C1. Diện tích đất này năm 2005 sau khi cụ B4 chết vẫn là trích đo, đến năm 2010 ông C1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 295206, số vào sổ CH 00345 ngày 07/10/2010. Hiện nay thửa đất này

diện tích chỉ còn lại 321m2 do hiến 43m2 đất làm đường. Hiện tại trên diện tích đất này có một ngôi nhà cấp bốn với diện tích 60m2 và C2 trình phụ 40m2 do ông C1 xây dựng và ba người đang ăn ở sinh sống gồm ông Bùi Văn C1, vợ là Lê Thị Kim N1 và con là Bùi Thị M1. Tháng 9 năm 2022 ông C1 đã bán cho vợ chồng anh Cao Đình C2, chị Bùi Thị H1 80m2 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số hiệu DH557323 vào sổ cấp GCNQSDĐ: CS00312 ngày 20/9/2022 do Sở tài nguyên môi trường thành phố HP cấp cho anh C2, chị H1. Diện tích còn lại trên thửa 463 tờ bản đồ số 02 cũng đã được Sở tài nguyên môi trường thành phố cấp GCNQSDĐ mang số hiệu DH557322 ngày 20/9/2022 cho ông Bùi Văn C1. Sau này vợ chồng anh C1 chị H1 đã chuyển nhượng cho anh Lê Khắc T1 và cũng đã được Chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất chi nhánh huyện AD thay đổi đăng ký biến động

Năm 2014, bà Q1 khó khăn nên đề xuất với các anh chị em xin một đám đất để làm nhà ở nhưng chỉ được ở không được bán và đã lập B3 bản tất cả anh em đều ký. Tuy nhiên, từ đó đến nay bà Q1 vẫn chưa nhận được diện tích đất này. Diện tích đất 122m2 đứng tên cụ B3, khi còn sống bố mẹ bà có nói tặng cho ông B3 nhưng ông B3 chưa khai nhận thừa kế và chưa làm bìa đỏ đứng tên ông B3. Nay ông B3 đã nhượng cho cháu là anh D1 diện tích 122m2 đất này, việc chuyển nhượng bà không được biết. Hiện nay diện tích đất này anh D1 đang quản lý sử dụng để trồng cây không có C2 trình gì ở trên. Mặc dù diện tích 122m2 bố mẹ bà đã tặng cho ông B3 nhưng chưa sang tên quyền sử dụng cho ông B3, ông B3 chuyển nhượng cho anh D1 diện tích đất này không được sự đồng ý của bà Q1 và hiện tại ông B3 không quản lý sử dụng thửa đất này nên diện tích đất 122m2 vẫn là di sản thừa kế của bố mẹ chưa phân chia. Việc ông B3 chuyển nhượng diện tích đất cho anh D1 vào thời gian nào bà Q1 không biết. Khi bố mẹ còn sống thì vẫn quản lý diện tích 122m2 để trồng cây, sau khi bố mẹ chết thì diện tích này do anh D1 quản lý để trồng cây.

Đối với diện tích 364m2 ông C1 đang quản lý sử dụng, hiện nay là đất của bố mẹ, sau khi ông C1 lấy vợ bố mẹ cho để ở nhưng chưa sang tên. Từ nhỏ đến lớn ông C1 vẫn ở với bố mẹ. Năm 2010 ông C1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 364m2 mà không có ý kiến của bà Q1 và những người thừa kế khác của cụ B4 gồm cụ C3, ông B3, ông B2, ông Đ1 và bà M2 có đồng ý hay không vì đây là tài sản của bố mẹ. Sau khi cụ B4 chết thì việc phân chia cho ai phải có ý kiến của hàng thừa kế trong đó có bà Q1. Khi bố mẹ còn sống việc vợ chồng ông C1 quản lý sử dụng đất và làm nhà ở không xảy ra tranh chấp.

Đối với phần đất ruộng 440m2 gia đình có họp cho bà Q1 và bà M2 ruộng canh tác có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bà Q1 không được nhận và cũng không biết diện tích bìa đỏ đứng tên ai, bà M2 đã bán cho ai, bán bao nhiêu tiền bà Q1 không nắm được.

Nay bà Q1 khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố HP giải quyết:

- Chia di sản thừa kế của cụ Bùi Văn B4 và cụ Trần Thị C1 là diện tích 321m2 đất tại thửa đất 408 và 122m2 đất tại thửa đất số 463 thuộc tờ bản đồ số 2

cho những người con đẻ của cụ B4 và cụ C1gồm: Ông Bùi Văn B3, bà Bùi Thị M2, ông Bùi Văn C1, ông Bùi Văn B2, ông Bùi Văn Đ1và bà Bùi Thị Q1.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Bùi Văn C1, diện tích 364,0m2 tờ bản đồ số 2, thửa đất số 408 tại địa chỉ thôn VP, xã ĐT, huyện AD (nay là phường ĐT, quận AD), thành phố HP. Mang số hiệu BD 295206 vào sổ cấp GCNQSDĐ: CH00345 ngày 07/10/2010 do Ủy ban nhân dân huyện AD, thành phố HP cấp ngày 07/10/2010.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Cao Đình C2 và Bùi Thị H1 diện tích 80,2m2 tờ bản đồ số 02, thửa đất số 140 tại địa chỉ: Thôn VP, xã ĐT, huyện AD (nay là phường ĐT, quận AD), thành phố HP. Mang số hiệu DH 557323 vào sổ cấp GCNQSDĐ: CS00323 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố HP cấp ngày 20/9/2022.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Bùi Văn C1, diện tích 240,8m2 tờ bản đồ số 44-2022, thửa đất số 141 tại địa chỉ: Thôn VP, xã ĐT, huyện AD (nay là phường ĐT, quận AD), thành phố HP. Mang số hiệu DH 557322 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố HP cấp ngày 20/9/2022.

** Bị đơn Bùi Văn C1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Kim N1, chị Bùi Thị M1 thống nhất trình bày như sau:*

Thống nhất với ý kiến của nguyên đơn về bố mẹ, thời điểm mở thừa kế và những người thừa kế, cụ B4 và cụ C1 không có di chúc và diện tích các thửa đất đang tranh chấp. Khi còn sống hai cụ có tài sản chung là 03 thừa đất: Thửa đất thứ nhất diện tích 1036m2 tại Thôn VP, xã ĐT, huyện AD, thành phố HP; Thửa đất thứ hai diện tích 400m2 đất tại Thôn VP, xã ĐT, huyện AD (nay là phường ĐT, quận AD) thành phố HP; Thửa đất thứ ba diện tích 1,2 sào (đất trồng rau xanh 03). Nguồn gốc đất là của các cụ đời trước để lại. Năm 1993, bố mẹ ông C1 tách thửa đất thứ nhất khoảng 1036m2 cho ông Bùi Văn B2 550m2 đất, cho ông C1 364m2 đất, còn lại 122m2 đất bố mẹ ông C1 sử dụng. Thửa đất thứ hai 400m2 bố mẹ ông C1 cho ông Bùi Văn Đ1. Thửa đất thứ ba diện tích 440m2 đất canh tác bố mẹ ông C1 cho hai con gái là bà M2 và Q1, ông không có ý kiến gì. Việc tách đất cho các con bố mẹ ông C1 có họp gia đình hoặc lập B3 bản hay không ông C1 không nắm được. Ông C1 và bố mẹ sinh sống trên diện tích 364m2 đất đến năm 1992 (khi ông C1 lấy vợ) thì bố mẹ ông C1 chuyển sang ở với anh trai ông C1 là ông Bùi Văn B2 cho đến khi bố mẹ ông C1 mất. Hai cụ đã cho vợ chồng ông C1 diện tích 364m2 đất để vợ chồng ông sinh sống. Việc cho này không có giấy tờ nhưng tất cả các anh chị em đều biết việc hai cụ cho ông C1. Do thời điểm đó do ông C1 khó khăn nên chưa làm thủ tục sang tên. Năm 2007, ông C1 xây nhà trên mảnh đất 364m2 các anh chị em không có ý kiến gì, không xảy ra tranh chấp và đến nay gia đình ông C1 vẫn ăn ở sinh sống trên mảnh đất đó. Khi bố mẹ ông C1 cắt 364m2 đất cho ông C1 thì trên đất có một căn nhà tường vách đất lợp rạ khoảng 50-60m2 có tường bao xây xung quanh. Hiện nay tường bao vẫn còn giữ nguyên. Năm 2007 ông C1 đã phá toàn bộ căn nhà cũ và xây lại một căn nhà cấp 4 một tầng, diện tích 60m2. Số tiền xây nhà vợ chồng ông bỏ ra xây và mẹ ông C1 có cho thêm một phần, tiền xây nhà hết bao nhiêu ông C1 không nhớ, ông C1 không có sửa chữa gì khác. Ngày

07/10/2010, ông C1 được Ủy ban nhân dân huyện AD cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 295206 số vào sổ CH 00345 đối với thửa đất số 408, tờ bản đồ số 02 diện tích 364m2 tại địa chỉ thôn VP, xã ĐT, huyện AD (nay là phường ĐT, quận AD), thành phố HP. Năm 2020, ông C1 hiến 43m2 đất để xây dựng nông thôn mới, diện tích đất còn lại 321m2. Năm 2022, ông C1 chuyển nhượng cho anh Cao Đình C2 và chị Bùi Thị H1 theo hợp đồng chuyển nhượng đất tại văn phòng C2 chứng Tạ Quang T4 diện tích 80,2m2 (trong tổng số 321m2 đất). Ngày 21/7/2022 ông C1 có đơn đề nghị tách diện tích 364m2 thành hai thửa. Ngày 20/9/2022, Sở Tài nguyên môi trường thành phố HP cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 557323 số vào sổ CS 00322 cho anh Cao Đình C2 và chị Bùi Thị H1 thửa đất số 140 tờ bản đồ số 2 diện tích 80,2m2. Ngày 20/9/2022, Sở tài nguyên và môi trường thành phố HP cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 557322 số vào sổ CS 00321 cho ông Bùi Văn C1 thửa đất số 141 tờ bản đồ số 44-2022 diện tích 240,8m2. Từ khi ông C1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đến khi bà Q1 khởi kiện chia thừa kế tại Tòa án thì không có ai có ý kiến, khiếu nại gì về việc ông C1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về diện tích đất 122m2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cụ Bùi Văn B4 (được tách từ diện tích đất 1036m2) là đất để trống không ai sử dụng. Sau khi bố ông C1 mất, mẹ và toàn thể anh em trong gia đình ông C1 có họp và thống nhất diện tích đất này cho ông Bùi Văn B3, diện tích đất này ông B3 đã bán cho anh D1 (con trai ông B2). Về diện tích này bố mẹ ông C1 cho ông B3 quản lý sử dụng, ông C1 không ký họp gia đình nhưng ông C1 cũng biết việc bố mẹ cho ông B3 và ông C1 không có ý kiến gì về diện tích đất này.

Nay bà Q1 khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Bùi Văn B4 và cụ Trần Thị C1 diện tích 364m2 đất tại thửa đất số 408 và diện tích 122m2 đất tại thửa đất số 463 thuộc tờ bản đồ số 2 cho những người con đẻ của cụ B4 và cụ C1 gồm ông Bùi Văn B3, bà Bùi Thị M2, ông Bùi Văn C1, ông Bùi Văn B2, ông Bùi Văn Đ1 và bà Bùi Thị Q1, trên cơ sở diện tích đất còn lại sau khi trừ đi diện tích đất làm đường và hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Bùi Văn C1 và Cao Đình C2, Bùi Thị H1 ông C1 có quan điểm như sau: Đất bố mẹ đã cho các con thì không còn di sản để chia nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế quyền sử dụng diện tích 364m2 vì tài sản thừa kế của bố mẹ không còn. Tài sản là quyền sử dụng đất bố mẹ đã cho các con từ năm 1993 trước khi chết và các con đã nhận tài sản, xây dựng nhà ở ổn định, thực hiện nghĩa vụ thuế cho nhà nước, đã đăng ký và được cấp quyền sử dụng đất theo đúng trình tự quy định pháp luật.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Văn B2 trình bày:*

Thống nhất với ý kiến của nguyên đơn về bố mẹ, thời điểm mở thừa kế và những người thừa kế, cụ B4 và cụ C1 không có di chúc và diện tích các thửa đất đang tranh chấp. Khi còn sống bố mẹ ông đã chia đất cho tất cả anh em ông. Toàn bộ diện tích đất ông đang ở và sử dụng, toàn bộ diện tích đất trước đây ông C1 được cấp giấy chứng nhận là 364m2 và diện tích 122m2 đất được cấp giấy chứng nhận đứng tên bố ông là cụ B4. Về nguồn gốc đất là của ông cha để lại cho bố mẹ

ông B2. Trước năm 1993, bố mẹ ông đã phân chia đất cho ba người con trai gồm: B2, Đ1, C1 và cụ B4 một phần trên toàn bộ diện tích đất của cha ông để lại nhưng không ghi rõ diện tích đất cho từng người một. Sau năm 1993, nhà nước kiểm tra diện tích đất toàn bộ những người đang sử dụng đất vì vậy bố mẹ ông B2 đã phân chia rõ diện tích đất của từng người và đã được ghi nhận trong bản đồ địa chính xã ĐT như sau:

Diện tích đất bố mẹ cho ông và ông Đ1 khoảng hơn 500m2 mỗi người được một phần hai diện tích đất. Trước năm 1993 vợ chồng ông B2 được cấp khoảng 400m2 đất đối diện với diện tích đất mà ông B2 và ông Đ1 được bố mẹ cho. Theo ý kiến của bố mẹ ông B2 thì vợ chồng ông B2 đổi cho ông Đ1 sang ở diện tích mà vợ chồng ông B2 được cấp. Do đó vợ chồng ổng B2 sử dụng toàn bộ 748m2 đất và năm 2004 vợ chồng ông B2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên. Diện tích 400m2 đất ông B2 đổi cho ông Đ1 cũng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên vợ chồng ông Đ1. Việc bố mẹ ông B2 chia đất như trên các con đều biết và không có ý kiến gì. Ngoài ra bố mẹ ông có khoảng hơn 400m2 đất 03 (đất nông nghiệp) sau khi bố mẹ ông chết thì các anh chị em thống nhất cho bà M2 và bà Q1.

Ông C1 được chia 364m2 đất (diện tích hiện nay ông C1 đang sử dụng và đã bán đi một phần). Năm 2010 ông C1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông C1, khi đó bố ông đã chết mẹ ông vẫn còn sống. Từ khi ông C1 được bố mẹ cho đất đến khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2010 thì các anh chị em không ai có ý kiến gì. Trước khi diện tích đất trên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông C1 thì ông C1 cũng đã đứng tên trong sổ địa C1 của xã năm 1993 sử dụng 364m2 đất.

Đối với diện tích đất 122m2 đứng tên cụ Bùi Văn B4, trước khi chết bố ông vẫn còn minh mẫn, gia đình ông có họp toàn bộ các con và bố mẹ thống nhất cho ông B3 diện tích 122m2 đứng tên cụ B4. Ông B3 đã được cho diện tích đất trên thì toàn quyền quyết định. Ngày 16/9/2007 (khi đó bố ông đã mất) mẹ ông và các anh chị em họp gia đình giao đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B3. Tất cả các anh em và mẹ ông đều ký (chỉ có ông C1 không ký vì lý do trong B3 bản họp gia đình các anh chị em đề nghị ông C1 cắt thêm một phần diện tích đất cho ông B3 nếu ông B3 về làm nhà để ở). Năm 2014 ông B3 bán diện tích 122m2 đất cho con trai ông là Bùi Ngọc D1 (khi bán đất vẫn đứng tên bố ông), do đó diện tích đất này thuộc quyền sở hữu của anh Bùi Ngọc D1.

Nay bà Q1 khởi kiện yêu cầu chia thừa kế diện tích 122m2 đất bố mẹ đã cho ông B3 và 364m2 đất bố mẹ đã cho ông C1 theo ông là không có cơ sở khởi kiện vì đất này bố mẹ đã cho ông B3 và ông C1, anh chị em cũng không có ý kiến gì nên diện tích đất trên sẽ thuộc quyền sở hữu của từng người. Tất cả sáu người con đều đã được bố mẹ chia đất nên bố mẹ ông không còn tài sản để lại trước khi chết. Vì vậy đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Q1.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Bùi Thị M2 trình bày:*

Thống nhất với ý kiến của nguyên đơn về bố mẹ, thời điểm mở thừa kế và những người thừa kế, cụ B4 và cụ C1 không có di chúc và diện tích các thửa đất

đang tranh chấp. Khi còn sống bố mẹ bà đã chia đất cho tất cả anh em bà. Năm 1993 bố mẹ bà tách thửa đất 1036m2 cho ông Bùi Văn B2 550m2, cho ông C1 364m2 còn lại 122m2 để cho bố mẹ bà sử dụng sau này đã cho ông B3.

Diện tích 122m2 tại thửa đất 463m2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bố bà là cụ Bùi Văn B4. Diện tích đất này khi bố bà còn sống đã họp gia đình cùng toàn thể các con thống nhất cho ông Bùi Văn B3.

Diện tích 364m2 tại thủa đất số 408 mà hiện nay đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Bùi Văn C1. Diện tích đất này khi bố mẹ còn sống cũng đã cho ông C1, tất cả anh chị em đều biết việc này. Ngoài ra bố mẹ còn có ý kiến trong 364m2 đất phần giáp với đất ông B3 có một ngõ đi chung diện tích 2m chiều ngang, chiều dài chạy hết đất (khoảng 30m2) sẽ cho ông B3 nếu ông B3 không sử dụng diện tích ngõ trên thì cho ông C1.

Diện tích 1,2 sào đất rau xanh bố mẹ bà đã cho bà và bà Q1, tất cả các anh chị em trong gia đình đều biết và đồng ý. Khoảng năm 2010 bà và bà Q1 thống nhất bán mảnh đất này được 36.000.000 đồng và bà đã đưa cho bà Q1 20.000.000 đồng bà giữ 16.000.000 đồng.

Đối với diện tích đất bố mẹ bà đã chia các anh chị em trong đó ông B2 và ông Đ1đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên các ông từ khi bố của bà còn sống. Khoảng năm 2004 bố mẹ đã làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 122m2 đứng tên Bùi Văn B4 mục đích để lại cho ông B3 từ khi bố bà còn sống. Đối với diện tích 364m2 bố mẹ bà không làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì đã cho ông C1 và ông C1 phải tự làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay bà Q1 khởi kiện yêu cầu chia thừa kế diện tích 122m2 đất và 364m2 đất là không có cơ sở vì các diện tích đất này bố mẹ đã cho ông B3 và ông C1, việc bố mẹ cho tất cả anh chị em đều biết và nhất trí cho hai ông.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Văn B3 trình bày:*

Thống nhất với ý kiến của nguyên đơn về bố mẹ, thời điểm mở thừa kế và những người thừa kế, cụ B4 và cụ C3 không có di chúc và diện tích các thửa đất đang tranh chấp. Khi còn sống hai cụ có tài sản chung là 03 thừa đất: Thửa thứ nhất diện tích khoảng 1036m2 tại Thôn VP, xã ĐT, huyện AD, thành phố HP; Thửa thứ hai diện tích khoảng hơn 400m2 đất ở Thôn VP, xã ĐT, huyện AD, thành phố HP đối diện thửa thứ nhất bên kia đường; Thửa thứ ba đất trồng rau xanh 03 ông B3 không nhớ diện tích là bao nhiêu. Nguồn gốc các thửa đất là của các cụ đời trước để lại.

Thửa đất thứ nhất diện tích khoảng 1036m2 đất tại thôn VP, xã ĐT, huyện AD (nay là phường ĐT, quận AD), thành phố HP. Trước khi bố ông chết, bố mẹ đã cắt đất cho ông Bùi Văn B2 khoảng hơn 500m2. Sau khi được bố mẹ cho đất thì ông B2 đã được Ủy ban nhân dân huyện AD cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Bùi Văn B2 và vợ là bà Đỗ Thị T5. Diện tích 122m2 đất bố ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Bùi Văn B4. Diện tích 364m2 đất còn lại bố ông chưa làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì bố ông có ý định chia diện tích đất này cho ông B3 và ông Bùi Văn C1. Năm 2005, bố ông

bị ốm mệt chưa phân chia được diện tích cho ông và ông C1 thì bố mất. Trước khi mất, bố ông có dặn dò các con là cho ông diện tích 122m2 đất mang tên bố ông, vì diện tích 122m2 đất nhỏ nên bố ông dặn cho thêm phần lối đi khoảng 40m2 trong diện tích đất còn lại 364m2, việc này có lập văn bản và có chữ ký của 06 anh em ông (văn bản này hiện nay do ông Bùi Văn B2 cất giữ). Năm 2017, ông B3 bán 122m2 cho cháu ruột là anh Bùi Ngọc D1 (con ông B2). Khi mua bán có viết giấy tay vì diện tích đất này chưa sang tên ông B3 mà vẫn đứng tên cụ Bùi Văn B4. Diện tích đất còn lại 364m2 ông C1 ăn ở sinh hoạt trên diện tích đó từ xưa đến nay. Trước đây trên diện tích đất 364m2 có một căn nhà tường vách đất lợp dạ khoảng 50m2 có tường bao xây xung quanh diện tích đất này. Năm 2010, ông C1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ông C1 đã phá căn nhà cũ của bố mẹ để xây mới. Số tiền xây nhà là của vợ chồng ông C1 bỏ ra. Năm 2020, ông C1 hiến 43m2 đất để xây dựng nông thôn mới, diện tích đất còn lại là 321m2. Năm 2022, ông C1 đã chuyển nhượng cho anh Cao Đình C2 và chị Bùi Thị H1 diện tích 80,2m2 đất trong tổng số 321m2. Khi ông C1 bán đất cho anh C2 cũng không hỏi ý kiến ông B3 về diện tích bố ông cho ông làm lối đi trên diện tích 364m2.

Thửa đất thứ hai diện tích khoảng hơn 400m2 đất tại Thôn VP, xã ĐT, huyện AD, thành phố HP đối diện thửa thứ nhất bên kia đường. Khi bố mẹ ông còn sống đã cho ông Bùi Văn Đ1và ông Đ1 đã làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Bùi Văn Đ1.

Thửa đất thứ ba diện tích khoảng 1,2 héc ta (đất trồng rau) ở Thôn VP, xã ĐT, huyện AD, thành phố HP. Khi còn sống bố mẹ ông đã cho hai bà Bùi Thị M2 và Bùi Thị Q1. Diện tích đất này đã được chuyển nhượng cho người khác, quan điểm của ông giá trị đất này không lớn nên không đưa vào chia thừa kế.

Năm 2004 thì gia đình ông làm đơn đề nghị cấp 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm đất đứng tên bố ông, ông B2 và ông Đ1. Bố mẹ ông đã chia toàn bộ diện tích đất cho 04 người con trai. Bố ông đã làm 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn diện tích 364m2 chưa làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông C1 chưa cắt cho ông diện tích lối đi trong diện tích 364m2 đất nên đề nghị Tòa án chia thừa kế diện tích đất này.

Trước đây ông có yêu cầu chia thừa kế diện tích 122m2 đứng tên bố ông Bùi Văn B4 đã cho ông nhưng nay ông thay đổi ý kiến không đưa diện tích đất này vào để chia thừa kế. Diện tích đất này ông đã bán cho anh D1, anh D1 có toàn quyền quyết định đối với diện tích đất trên. Nay bà Q1 khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ B4 và cụ C1 diện tích 364m2 đất tại thửa đất số 408 và diện tích 122m2 đất tại thửa đất số 463 thuộc tờ bản đồ số 2 cho những người con đẻ của cụ B4 và cụ C1 gồm ông B3, bà M2, ông C1, ông B2, ông Đ1 và bà Q1, trên cơ sở diện tích đất còn lại sau khi trừ đi diện tích đất làm đường và hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Bùi Văn C1, Cao Đình C2 và Bùi Thị H1 ông có quan điểm là tất cả các diện tích đất bố mẹ đã cho ông B2, ông Đ1 (ông B2 và ông Đ1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) và diện tích đất 122m2 bố ông cho ông đã được bố mẹ cho các anh chị em đồng ý nên tôn trọng ý kiến của bố mẹ. Di sản của bố mẹ ông để lại chỉ còn diện tích 364m2 (trừ đi 43m2 hiến đất làm đường còn 321m2 đất), ông đề nghị Tòa án xem xét chia diện tích 321m2 đất. Ông

không nhận phần di sản thừa kế ông được hưởng và đề nghị chia thừa kế diện tích 321m2 đất cho 05 người con là ông B2, ông Đ1, ông C1, bà M2 và bà Q1.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn Đ1trình bày:*

Thống nhất với ý kiến của nguyên đơn về bố mẹ, thời điểm mở thừa kế và những người thừa kế, cụ B4 và cụ C1 không có di chúc và diện tích các thửa đất đang tranh chấp. Khi chết hai cụ không để lại di chúc. Khi còn sống bố mẹ ông có tài sản chung là 02 thửa đất: Thửa thứ nhất diện tích khoảng 1036m2 tại Thôn VP, xã ĐT, huyện AD, thành phố HP; Thửa thứ hai đất trồng rau xanh 03 diện tích là khoảng 1,2 sào.

Thửa đất thứ nhất diện tích khoảng 1036m2 đất. Trước khi bố ông chết, bố mẹ ông đã chia 1036m2 đất làm bốn phần gồm ông Đ1, ông B2, ông C1 và một phần của bố mẹ ông. Sau này bố mẹ ông muốn ông B2 ở trên đất hương hỏa của các cụ nên bảo ông sang ở diện tích 400m2 đất mà ông B2, bà T5 được nhà nước cấp đối diện với thửa đất 1036m2 của bố mẹ ông. Sau khi đổi đất cho ông B2 thì ông B2 đã được Ủy ban nhân dân huyện AD cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông B2 và vợ là bà T5 và bố ông cũng làm luôn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 122m2 đứng tên cụ B4. Diện tích đất còn lại 364m2 bố mẹ ông cho ông C1 và bố ông đã ra Ủy ban nhân dân xã ĐT để làm trích đo cho ông C1. Diện tích đất ông B2 và bố ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trích đo cho ông C1 đều nằm trong diện tích thửa đất 1036m2. Ông C1 ăn ở sinh hoạt trên diện tích 364m2 đất từ xưa đến nay. Trước đây trên diện tích đất 364m2 có một căn nhà tường vách đất lợp dạ khoảng 50m2 có tường bao xây xung quanh. Năm 2010 khi ông C1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông C1 đã phá căn nhà cũ của bố mẹ để xây mới. Số tiền xây nhà là của vợ chồng ông C1 bỏ ra. Năm 2020, ông C1 hiến 43m2 đất để xây dựng nông thôn mới, diện tích đất còn lại là 321m2. Năm 2022, ông C1 đã chuyển nhượng cho ông Cao Đình C2 và bà Bùi Thị H1 diện tích 80,2m2 đất trong tổng số 321m2.

Trước khi bố ông chết, bố ông cũng có dặn lại nếu ông B3 có về làm nhà ở thì cho ông B3 diện tích 122m2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bố ông. Ông B3 và ông C1 đàm phán với nhau về việc cắt thêm một ít đất từ diện tich 364m2 đất của ông C1 cho ông B3. Sau khi bố ông chết mẹ ông và các anh chị em có họp gia đình thống nhất cho ông B3 diện tích 122m2 đất đứng tên bố ông và đã lập văn bản có chữ ký của 06 anh em ông (văn bản này hiện nay ai giữ ông không biết). Năm 2014, ông B3 đã bán 122m2 cho cháu là anh D1 (con ông B2). Khi mua bán có viết giấy tay vì đất này chưa sang tên cho ông B3 vẫn đứng tên bố ông là cụ B4.

Thửa đất thứ hai diện tích khoảng 1,2 sào (đất trồng rau) tại Thôn VP, xã ĐT, huyện AD, thành phố HP. Khi còn sống bố mẹ đã cho hai bà M2 và bà Q1. Khoảng năm 2018, ông được biết đất đã được chuyển nhượng cho người khác.

Nay bà Q1 khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ B4 và cụ C1 diện tích 364m2 đất tại thửa đất số 408 và diện tích 122m2 đất tại thửa đất số 463 thuộc tờ bản đồ số 2 cho những người con đẻ của cụ B4 và cụ C1 diện tích đất còn lại sau khi trừ đi diện tích đất làm đường và hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

mang tên ông C1, anh C2 và chị H1 ông có quan điểm là bố mẹ ông đã cho ông C1 diện tích đất 364m2 và cho ông B3 122m2 là ý nguyện của bố mẹ ông và hiện nay ông C1 đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Q1.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Bùi Ngọc D1 và chị Lê Thị Ái L1 trình bày:*

Vợ chồng anh chị là cháu trai và cháu dâu của của hai cụ B4 và cụ C3, và là con trai, con dâu của ông B2. Diện tích đất 122m2 thuộc thửa 463 tờ bản đồ số 02 tại Thôn VP, xã ĐT, huyện AD là tài sản của hai cụ và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ B4. Hai cụ đã cho con trai là ông B3 và sau đó ông B3 chuyển nhượng lại diện tích đất này cho anh chị tại Giấy xác nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở ngày 27/4/2014 với giá chuyển nhượng là 450.000.000 đồng. Lý do anh chị nhận chuyển nhượng diện tích đất này là vì gia đình anh chị muốn giữ lại đất của tổ tiên ông bà. Lúc còn sống cụ B4 có nói cho ông B3 diện tích đất này. Khi nhận chuyển nhượng diện tích đất 122m^2 anh chị biết diện tích đất này ông B3 chưa làm thủ tục sang tên chủ sử dụng đất cho ông B3 nhưng vì gia đình đã họp nhất trí bàn giao đất cho ông B3, ông B3 cam kết sẽ hoàn tất thủ tục giấy tờ liên quan đến thửa đất cho anh chị, gia đình cũng không có ai tranh chấp gì nên anh chị đã đồng ý nhận chuyển nhượng diện tích đất trên mà chưa hoàn thiện thủ tục pháp lý liên quan đến việc chuyển nhượng. Việc ông B3 chuyển nhượng đất cho anh chị thì ông C1, bà M2, ông B2, ông Đ1, bà Q1 đều biết và không ai có ý kiến hay tranh chấp gì với ông B3 và anh chị. Giá chuyển nhượng diện tích đất 122m^2 anh chị và ông B3 thỏa thuận theo giá thị trường tại thời điểm giao dịch (tháng 4 năm 2014) là 450.000.000 đồng. Sau khi nhận chuyển nhượng diện tích đất 122m^2 nói trên anh chị nhờ bố mẹ anh chị trông coi đất. Năm 2021 địa phương mở rộng đường thôn nên anh chị đã hiến một phần đất để làm đường nên hiện nay diện tích đất không còn đủ 122m^2 như trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cụ B4 vào năm 2004, cụ thể diện tích đất hiện nay còn là bao nhiêu m^2 anh chị không rõ. Hiện tại diện tích đất này anh chị đã xây tường bao phía mặt đường, cải thiện cống thoát nước và trồng cây để thuận tiện trong quá trình bảo quản sử dụng.

Đối với diện tích đất 364m^2 tại thửa 408 anh chị được biết hai cụ B4 và C1 đã cho ông C1 từ lúc hai cụ còn sống và vợ chồng ông C1 làm nhà sinh sống trên đất từ khi kết hôn cho đến nay. Vợ chồng ông C1 ở riêng trên diện tích 364m^2 và không liên quan gì đến diện tích đất 122m^2 mà ông B3 đã chuyển nhượng cho anh chị. Năm 2007 các con cụ B4 đã họp gia đình và lập B3 bản ghi lại nội dung việc cụ B4 cho ông B3 diện tích đất trên và bàn giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B3 quản lý sử dụng. Trong cuộc họp gia đình cũng nhắc lại ý kiến của cụ B4 khi còn sống là khi ông B3 về làm nhà thì bàn bạc với ông C1 (là em trai) để ông C1 cắt lại một phần đất của ông C1 nhưng tại cuộc họp này thì ông C1 chỉ đồng ý giao giấy tờ đất và diện tích đất 122m^2 cho ông B3 chứ không đồng ý cắt lại một phần đất của ông C1 trong diện tích 364 m^2 cho ông B3. Quá trình vợ chồng ông C1 quản lý sử dụng đất không ai trong các cô chú có tranh chấp gì mà chỉ gần đây bà Q1 và ông B3 mới có tranh chấp chia thừa kế.

Nay bà Q1 yêu cầu Tòa án chia thừa kế đối với diện tích đất 122m^2 ông B3 đã bán cho anh chị, anh chị không đồng ý vì diện tích đất này là của ông B3 hiện đã chuyển nhượng cho anh chị, khi ông B3 chuyển nhượng đất cho anh chị thì ông B3 đã được toàn thể gia đình thống nhất bàn giao đất và giấy tờ đất. Trong trường hợp nếu ông B3 trả lại tiền cho anh chị và lấy lại diện tích đất 122m^2 để chia thừa kế thì anh chị chỉ đồng ý trả lại đất khi số tiền ông B3 trả cho anh với giá trị thửa đất được tính theo giá đất thị trường tại thời điểm Tòa án giải quyết tranh chấp.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Cao Đình C2 và chị Bùi Thị H1 trình bày:*

Anh C2 và chị H1 là hàng xóm nhà đối diện với nhà ông Bùi Văn C1, Năm 2021 anh chị có nhận chuyển nhượng của ông Bùi Văn C1 77,5m2 tại thửa đất số 408, tờ bản đồ số 02 đứng tên ông Bùi Văn C1 tại Thôn VP, xã ĐT, huyện AD, thành phố HP. Năm 2022 anh chị được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh chị, diện tích đứng trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 80,2m2 nhưng thực tế diện tích anh chị mua và được phép sử dụng là 77,5m2. Trước khi mua anh chị đã tìm hiểu trên bản đồ sổ mục kê của Ủy ban nhân dân xã lập năm 1994 thì thửa đất 408 tờ bản đồ số 02 đứng tên chủ sử dụng là ông Bùi Văn C1. Đến năm 2010 đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên ông Bùi Văn C1. Trong thời gian năm 2010 đến thời điểm anh chị mua và làm thủ tục thì thửa đất trên không có tranh chấp nên anh chị đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay anh chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Q1 vì diện tích đất ông C1 chuyển nhượng cho anh chị là tài sản riêng của ông C1, không còn là di sản của vợ chồng cụ B4.

** Trong quá trình giải quyết Sở Tài nguyên Môi trường thành phố HP trình bày:*

Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện AD đã cung cấp các tài liệu theo văn bản số 194/CNAD ngày 17/5/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện AD. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Q1 yêu cầu:

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Cao Đình C2 và Bùi Thị H1 diện tích 80m2 tờ bản đồ số 02 thửa 140; địa chỉ: Thôn VP, xã ĐT, huyện AD, thành phố HP. Mang số hiệu DH 557323 vào sổ cấp GCNQSDĐ: CS00323 ngày 20/9/2022 do Sở tài nguyên môi trường thành phố HP cấp.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Bùi Văn C1, diện tích 240,8m2 tờ bản đồ số 02; địa chỉ: Thôn VP, xã ĐT, huyện AD, thành phố HP. Mang số hiệu DH 557322 ngày 20/9/2022 do Sở tài nguyên môi trường thành phố HP cấp.

Quan điểm của Sở Tài nguyên môi trường thành phố HP là đã cấp hai giấy chứng nhận trên của Sở Tài nguyên Môi trường là đúng quy định của Luật đất đai năm 2013 và Nghị định số 148 ngày 18/12/2020 của C1 phủ. Do đó, không có căn cứ để huỷ hai giấy chứng nhận sử dụng đất trên.

** Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự thống nhất các vấn đề sau*:

- Về nguồn gốc đất di sản bố mẹ để lại là của cha ông.

- Hàng thừa kế bao gồm: Ông B2, ông Đ1, ông B3, ông C1, bà M2 và bà Q1. Hai cụ không có con nuôi, con riêng nào khác.

- Diện tích hai mảnh đất canh tác 400m2 bố mẹ đã cho bà M2 và bà Q1 không yêu cầu chia thừa kế.

- Các đương sự thống nhất về kết quả B3 bản thẩm định và B3 bản định giá tài sản và không có ý kiến gì.

* Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Lê Khắc T1 và Ủy ban nhân dân huyện AD cũng như tống đạt các văn bản của Tòa án: Thông báo thụ lý vụ án, giấy mời, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, C2 khai chứng cứ và hòa giải nhưng đều vắng mặt nên không có ý kiến của anh Trường và Ủy ban nhân dân huyện AD.

* Tòa án tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã ĐT: Theo hồ sơ địa C1 do Ủy ban nhân dân xã ĐT lưu trữ tại sổ mục kê, tờ bản đồ giải thửa năm 1995, trên cơ sở số liệu đo đạc hiện trạng sử dụng đất năm 1993. Nguồn gốc thửa đất số 408 diện tích 364m2 đất tờ bản đồ số 02 tại thôn VP, xã ĐT, huyện AD, thành phố HP là thửa đất độc lập, ông Bùi Văn C1 chủ sử dụng đất đã xây nhà ở ổn định. Năm 2010, ông Bùi Văn C1 đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên, Ủy ban nhân dân xã ĐT đã hướng dẫn, phối hợp cùng ông C1 tiến hành đo đạc, xác định mốc giới thửa đất, nguồn gốc sử dụng đất, xác định tình trạng sử dụng đất không có tranh chấp gì, hoàn thiện hồ sơ đề nghị UBND huyện AD cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Bùi Văn C1, đảm bảo đúng quy định pháp luật. Thửa đất số 463 từ bản đồ số 02 diện tích 122m2 đất tại thôn VP, xã ĐT, huyện AD, thành phố HP đứng tên chủ sử dụng là cụ Bùi Văn B4.

* Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ xác định tại thửa đất số 141 ông C1 và bà N1 đang quản lý, sử dụng thực tế là 236,2m2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 240,8m2. Tại thửa đất số 140 anh C2 và chị H1 đang quản lý, sử dụng thực tế là 77,6m2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 80,2m2. Tại thửa đất số 463 chủ sử dụng đất Bùi Văn B4 đang quản lý, sử dụng thực tế là 114,5m2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 122,0m2. Ông Bùi Văn B2 đang sử dụng diện tích đất 743,6m2. Diện tích đất ngõ đi do ông B3 xác định cụ B4 cho nằm trong đất của anh C2 là 31,0m2.

* Tòa án tiến hành định giá, Hội đồng định giá huyện AD xác định:

- Về giá đất: Giá thị trường tại thời điểm tranh chấp là 16.000.000 đồng/m2.

- Về giá C2 trình xây dựng: C2 trình xây dựng gắn liền với đất tại thửa đất số 141, tờ bản đồ số 44-2022 do ông C1, bà N1 quản lý sử dụng có trị giá là 407.284.128 đồng và cây cối hoa màu là 583.000 đồng, tổng cộng là 407.867.128 đồng. C2 trình xây dựng gắn liền với đất tại thửa đất số 140, tờ bản đồ số 44-2022 do ông C2, bà H1 quản lý sử dụng có trị giá là 1.449.486 đồng. C2 trình xây dựng do anh Bùi Ngọc D1 đầu tư trên phần đất của ông C2 là 953.100 đồng, trên phần đất của ông C1 là 1.714.036 đồng. C2 trình xây dựng gắn liền với đất tại thửa đất số 463, tờ bản đồ số 02 mang tên Bùi Văn B4 (do anh D1 quản lý) là 40.953.679 đồng và cây cối là 1.115.000 đồng, tổng cộng là 42.068.679 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 12/2025/DS-ST ngày 11-03-2025 của Tòa án nhân dân thành phố HP, quyết định:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; Điều 34; Điều 37; Điều 39; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 634, Điều 635, Điều 638 Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 631, Điều 632, Điều 635 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 50 Luật Đất đai năm 2003.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ khoản 1 Điều 26, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất số 463, tờ bản đồ số 02, diện tích 122m2, tại thôn VP, xã ĐT, huyện AD (nay là phường ĐT, quận AD), thành phố HP đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 526996, vào sổ cấp GCNQSDĐ số 01852A. QSDĐ do Ủy B4nhân dân huyện AD (nay là quận AD), thành phố HP cấp ngày 03/3/2004 mang tên Bùi Văn B4.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Q1 về việc: Yêu cầu chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 408, tờ bản đồ số 02, diện 364m2 đất (trừ đi 43m2 đất hiến làm đường còn lại là 321m2 đất) tại địa chỉ thôn VP, xã ĐT, huyện AD (nay là phường ĐT, quận AD), thành phố HP và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 295206, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: CH00345 do Ủy ban nhân dân huyện AD (nay là quận AD), thành phố HP cấp ngày 07/10/2010 mang tên Bùi Văn C1; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 557322, số vào sổ cấp GCN:CS 00321 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố HP cấp ngày 20/9/2022 mang tên Bùi Văn C1; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 557323, số vào sổ cấp GCN:CS 00322 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố HP cấp ngày 20/9/2022 mang tên Cao Đình C2 và Bùi Thị H1.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 13/3/2025, nguyên đơn là bà Bùi Thị Q1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 13/3/2025, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn B3 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

* *Tại phiên tòa*:

Nguyên đơn bà Bùi Thị Q1 giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận các nội dung kháng cáo và yêu cầu khởi kiện của bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Văn B3 giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận các nội dung kháng cáo của ông.

Bị đơn giữ nguyên các nội dung như đã trình bày tại cấp sơ thẩm và không có ý kiến gì khác. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng bản án sơ thẩm đã xét xử không đúng các quy định pháp luật không đúng thực tiễn của vụ án và không đúng trình tự thủ tục làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự và đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại HN tham gia phiên tòa sau khi đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm thấy bản án sơ thẩm đã xét xử đúng quy định của pháp luật, kháng cáo của các đương sự là không có căn cứ. Đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị Q1 và ông Bùi Văn B3 giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp về thừa kế tài sản và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quy định tại khoản 5 Điều 26; Điều 34; Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố HP.

[2] Tại phiên tòa ông B2, bà M2 có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Đ1, chị M1, chị Liên, anh C2, chị H1, anh T1, Sở Tài nguyên Môi trường thành phố HP và Ủy ban nhân dân huyện AD đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế: Cụ Bùi Văn B4 chết ngày 03/4/2005 và cụ Trần Thị C1 chết ngày 18/3/2013. Vụ án thụ lý ngày 19/10/2023 nên theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 còn thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế.

[4] Về pháp luật áp dụng: Cụ Bùi Văn B4 chết năm 2005 và cụ Trần Thị C1 chết năm 2013, nay có yêu cầu chia di sản thừa kế thì áp dụng quy định Bộ luật Dân sự năm 1995, 2005, 2015 và Luật Đất đai năm 2003 để giải quyết vụ án.

[5] Tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia thừa kế đối với thửa đất số 463, tờ bản đồ số 02, diện tích 122m2 tại thôn VP, xã ĐT, huyện AD (nay là phường ĐT, quận AD), thành phố HP đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 526996, vào sổ cấp GCNQSDĐ số 01852A.QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện AD, thành phố HP cấp ngày 03/3/2004 mang tên Bùi Văn B4. Hội đồng xét xử xét thấy việc nguyên đơn rút yêu cầu khởi

kiện trên là tự nguyện nên cần chấp nhận và đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện này theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[6] Về quan hệ huyết thống: Cụ Bùi Văn B4 chết năm 2005 và cụ Trần Thị C1 chết năm 2013. Cụ B4 và cụ C1 sinh được 07 người con, ông Bùi Văn B5 chết năm 1969 (liệt sỹ). Hiện chỉ còn 06 người con gồm ông Bùi Văn B2, Bùi Thị M2, Bùi Văn B3, Bùi Văn Đ1, Bùi Văn C1 và Bùi Thị Q1. Bố mẹ cụ B4 và cụ C1 đã chết trước hai cụ.

[7] Về nguồn gốc đất và phân chia đất ông Bùi Văn B2, Bùi Thị M2, Bùi Văn Đ1, Bùi Văn C1 đều xác nhận:

[7.1] Đối với diện tích đất khoảng 1036m2 nguồn gốc của các cụ để lại. Trước năm 1993 cụ Bùi Văn B4 và Trần thị C1 đã phân chia diện tích đất khoảng 1036m2 cho ông Bùi Văn B2 và ông Bùi Văn Đ1 khoảng hơn 500m2, mỗi ông được một phần, cho ông Bùi Văn C1 364m2 và còn để lại 122m2 đứng tên cụ B4và sau này đã cho ông Bùi Văn B3.

[7.2] Ông Bùi Văn B2 và ông Bùi Văn Đ1 được cụ B4 và cụ C1 cho là khoảng hơn 500m2, mỗi ông được một phần. Trước năm 1993 vợ chồng ông B2 được cấp khoảng gần 400m2 đối diện với diện đất ông bố mẹ cho. Theo ý kiến của hai cụ B4và C1là ông B2 ở lại đất hương hỏa nên ông B2 và ông Đ1 đã đổi đất cho nhau. Ông B2 sử dụng toàn bộ diện tích đất bố mẹ cho ông B2 và ông Đ1. Ông Đ1sử dụng diện tích 400m2 vợ chồng ông B2 được cấp. Hai thửa đất ông B2 và ông Đ1đã làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và năm 2004 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông B2 và ông Đ1 khi đó cụ B4 và cụ C1 còn sống.

[7.3] Ông Bùi Văn C1 được hai cụ B4 và cụ C1 cho 364m2 trong tổng diện tích khoảng 1036m2 đất. Ông C1 sống cùng hai cụ từ nhỏ. Đến năm 1992, ông C1 lấy vợ thì vợ chồng ông ở trên diện tích đất này, hai cụ chuyển sang ở với ông B2 cho đến khi hai cụ mất. Hai cụ đã cho vợ chồng ông C1 diện tích 364m2 đất để vợ chồng ông sinh sống. Việc cho này không có giấy tờ nhưng tất cả các anh chị em đều biết. Khi bố mẹ ông C1 cắt 364m2 đất cho ông C1 thì trên đất có một căn nhà tường vách đất lợp rạ khoảng 50-60m2 có tường bao xây xung quanh, hiện nay tường bao vẫn còn. Khoảng năm 1993 nhà nước tiến hành kiểm kê đất đối với những gia đình đang sử dụng đất. Vì hai cụ đã phân chia đất cho từng người con nên ông B2, ông Đ1và ông C1 đã được ghi nhận diện tích đất được hai cụ cho trong hồ sơ địa chính xã ĐT, huyện AD, thành phố HP. Ông Bùi Văn B3 trình bầy hai cụ B4 và C1 đã chia toàn bộ diện tích đất khoảng 1036m2 đất cho 04 người con trai là B2, Đ1, B3 và C1. Năm 2004 gia đình ông làm đơn đề nghị cấp 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm đất đứng tên cụ B3, ông B2 và ông Đ1 còn diện tích 364m2 đất cho ông C1 chưa làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông C1 chưa cắt cho ông B3 diện tích lối đi trong diện tích 364m2 đất. Như vậy, ông B3 cũng xác nhận diện tích 364m^2 đất hai cụ đã cho ông C1 thể hiện ở việc hai cụ yêu cầu ông C1 cắt đất cho ông B3 làm ngõ đi vì nếu hai cụ chưa cho ông C1 diện tích đất trên thì hai cụ có quyền cắt đất cho ông B3 mà không cần phải yêu cầu ông C1 cắt đất cho ông B3.

[7.4] Năm 2007 ông C1 phá toàn bộ căn nhà cũ và xây lại một căn nhà cấp 4 một tầng, diện tích 60m2 các anh chị em không có ý kiến gì, không xảy ra tranh chấp và đến nay gia đình ông C1 vẫn ăn ở sinh sống trên mảnh đất đó. Thời điểm được hai cụ cho đất do ông C1 điều kiện kinh tế khó khăn nên chưa làm thủ tục sang tên. Năm 2010 ông C1 làm hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân huyện AD (nay là quận AD) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng 364m2 đất. Ngày 07/10/2010, ông C1 được Ủy ban nhân dân huyện AD (nay là quận AD) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 295206 số vào sổ CH 00345 đối với thửa đất số 408, tờ bản đồ số 02 diện tích 364m2 tại địa chỉ thôn VP, xã ĐT, huyện AD (nay là phường ĐT, quận AD), thành phố HP. Từ năm 2012 đến năm 2024 ông C1 thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đối với diện tích 364m2 đất cho nhà nước. Năm 2020, ông C1 hiến 43m2 đất để xây dựng nông thôn mới, diện tích đất còn lại 321m2. Năm 2022, ông C1 chuyển nhượng cho anh Cao Đình C2 và chị Bùi Thị H1 theo hợp đồng chuyển nhượng đất tại văn phòng C2 chứng Tạ Quang T4diện tích 80,2m2 (trong tổng số 321m2 đất). Ngày 21/7/2022 ông C1 có đơn đề nghị tách diện tích 364m2 thành hai thửa. Ngày 20/9/2022, Sở Tài nguyên và môi trường thành phố HP cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 557323, số vào sổ CS 00322 cho anh Cao Đình C2 và chị Bùi Thị H1 thửa đất số 140 tờ bản đồ số 2, diện tích 80,2m2 đất. Ngày 20/9/2022, Sở tài nguyên và môi trường thành phố HP cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 557322 số vào sổ CS 00321 cho ông Bùi Văn C1 thửa đất số 141, tờ bản đồ số 44-2022, diện tích 240,8m2 đất.

[8] Qua xác minh thu thập chứng cứ tại địa phương thể hiện diện tích đất đang có tranh chấp giữa bà Q1 và ông C1 có nguồn gốc là của cụ B4 và cụ C1 để lại. Diện tích đất vợ chồng ông C1 đang ở hiện nay được vợ chồng cụ B4 và cụ C1 chia tách từ lâu. Ông C1 là người đóng thuế đất diện tích đất này. Quá trình ông C1 sử dụng đất không có tranh chấp gì với ai trong gia đình từ lúc hai cụ còn sống cũng như sau khi chết cho đến khi bà Q1 có tranh chấp.

[9] Theo hồ sơ địa C1 do Ủy ban nhân dân xã ĐT (nay là phường ĐT) lưu trữ tại sổ mục kê, tờ bản đồ giải thửa năm 1995, trên cơ sở số liệu đo đạc hiện trạng sử dụng đất năm 1993. Nguồn gốc thửa đất số 408 diện tích 364m2 đất tờ bản đồ số 02 tại thôn VP, xã ĐT, huyện AD (nay là phường ĐT, quận AD), thành phố HP là thửa đất độc lập, ông Bùi Văn C1 chủ sử dụng đất đã xây nhà ở ổn định. Năm 2010, ông Bùi Văn C1 đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên, Ủy B4nhân dân xã ĐT đã hướng dẫn, phối hợp cùng ông C1 tiến hành đo đạc, xác định mốc giới thửa đất, nguồn gốc sử dụng đất, xác định tình trạng sử dụng đất không có tranh chấp gì, hoàn thiện hồ sơ đề nghị UBND huyện AD cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Bùi Văn C1, đảm bảo đúng quy định pháp luật. Ngoài ra, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố HP cũng có quan điểm việc cấp hai giấy chứng nhận diện tích 240,8m2 tờ bản đồ số 02 mang tên ông Bùi Văn C1 và diện tích 80,2m2 tờ bản đồ số 02 mang tên Cao Đình C2 và Bùi Thị H1 là đúng theo quy định Luật đất đai năm 2013 và Nghị định số 148 ngày 18/12/2020 của C1 phủ vì vậy không có căn cứ để huỷ hai giấy chứng nhận sử dụng đất trên.

[10] Đối với ý kiến của nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày tại phiên tòa cho rằng không có tài liệu nào thể hiện

hai cụ B4 và C1 đã cho ông C1 diện tích 364m2 đất. Ngoài ra, tại hồ sơ năm 2010 ông C1 đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện tại bản trích đo mặt bằng sử dụng đất ngày 21/6/2010 trong phần chữ ký các hộ lân cận có chữ ký B4 mà khi đó cụ B4 đã chết là không hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy trong hồ sơ cụ B4 đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 122m2 đất năm 2002, tại bản trích đo mặt bằng sử dụng đất ngày 25/12/2002 thể hiện cụ B4 cũng đã ký xác nhận các chủ hộ xung quanh diện tích 122m2 đất gồm: phía bắc giáp hộ ông Bùi Văn C1, phía nam và tây giáp hộ bà Đỗ Thị T1 và phía đông cách tim đường thôn 4,0m và ông C1 cũng đã ký vào văn bản này. Như vậy thể hiện cụ B4 đã xác nhận diện tích 364m2 đất cụ đã cho ông C1 và ông C1 đã ký xác nhận đất của mình. Việc chữ ký ghi tên B4 tại bản trích đo mặt bằng sử dụng đất ngày 21/6/2010 có thể không phải là chữ ký của cụ B4 nhưng cũng không làm thay đổi bản chất sự việc trước đó cụ B4 đã cho ông C1 diện tích 364m2 đất.

[11] Đối với ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Văn B3 trình bày tại phiên tòa đề nghị tòa phúc thẩm xem xét việc bố ông đã hứa cho ông phần diện tích khoảng 40m2 trong diện tích đất 364m2 để làm lối đi. Hội đồng xét xử xét thấy đối với nội dung nêu trên Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết, không ghi nhận trong bản án sơ thẩm; nội dung đơn kháng cáo đề ngày 11/3/2025 của ông B3 cũng không đề cập do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét, giải quyết yêu cầu của ông.

[12] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm, xét thấy: các con của cụ B4 và cụ C1 đều xác nhận hai cụ đã cho ông C1 diện tích 364m2 đất. Năm 2004 cụ B4 đề nghị Ủy B4nhân dân huyện AD (nay là quận AD) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 122m2 và đã được Ủy B4nhân dân huyện AD cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 122m2 đất mang tên cụ B4. Cụ B4 không đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 364m2, vì cụ B4 xác định đã cho ông C1 diện tích đất này từ nhiều năm trước. Từ khi ông C1 được hai cụ cho đất, xây nhà và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 364m2 đất không ai có ý kiến gì và cũng không có tranh chấp. Như vậy, xác định diện tích 364m2 đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông C1. Ngày 07/10/2010 Ủy ban nhân dân huyện AD đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 295206, số vào sổ CH 00345 đối với thửa đất số 408, tờ bản đồ số 02 diện tích 364m2 tại địa chỉ thôn VP, xã ĐT, huyện AD (nay là phường ĐT, quận AD), thành phố HP cho ông Bùi Văn C1 là đúng quy định của pháp luật. Ông Bùi Văn C1 được quyền sử dụng hợp pháp thửa đất số 408, tờ bản đồ số 02, diện tích 364m2 tại địa chỉ thôn VP, xã ĐT, huyện AD, thành phố HP nên ông C1 được quyền chuyển nhượng 80,2m2 trong diện tích 364m2 đất cho vợ chồng anh Cao Đình C2 và Bùi Thị H1. Ngày 20/9/2022 Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố HP cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 80,2m2, thửa đất số 140, tờ bản đồ số 02 mang tên anh C2 và chị H1 và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 240,8m2 thửa đất số 141, tờ bản đồ số 44-2022 mang tên ông Bùi Văn C1 (tách thửa) tại thôn VP, xã ĐT, huyện AD, thành phố HP. Sau đó anh C2 và chị H1 đã chuyển nhượng cho anh Lê Khắc T1 và ngày 31/10/2022 Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố HP xác nhận nội dung thay đổi chuyển nhượng cho anh Lê

Khắc T1 tại mục IV (Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn kiền với đất). Đối với diện tích 122m2 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ B4 nhưng cụ B4 đã cho ông B3 mặc dù không có văn bản thể hiện việc cho diện tích đất này nhưng các anh chị em trong gia đình đều xác nhận việc hai cụ cho ông B3 và đã bàn giao đất cho ông B3 sau đó ông B3 đã chuyển nhượng cho cháu là anh D1. Ngoài ra, cụ B4 và cụ C1 cũng đã chia đất cho hai con gái là bà M2 và bà Q1 diện tích đất canh tác 400m2 tại thôn VP, xã ĐT, huyện AD, HP thể hiện tại B3 bản họp gia đình ngày 25/8/2010 các anh chị em ký thống nhất bàn giao diện tích đất trên cho bà M2 và bà Q1 và sau đó bà M2 và bà Q1 đã bán diện tích đất trên và chia nhau tiền. Như vậy thể hiện khi còn sống hai cụ B4 và C1 đều đã chia đất cho tất cả các con, ai cũng có phần của mình và không có ý kiến gì. Việc này cũng phù hợp với ý kiến của tất cả những người con của hai cụ (trừ bà Q1, ông B3) và cùng đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Q1. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định: cụ B4 và cụ C1 không còn di sản thừa kế vì trên thực tế đã chia hết cho các con. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện AD (nay là quận AD), thành phố HP và Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố HP là hợp pháp, đúng quy định pháp luật. Vì vậy không có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là đúng quy định pháp luật và phù hợp với thực tế. Vì vậy, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại HN, bác kháng cáo của nguyên đơn bà Bùi Thị Q1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Văn B3, giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

[13] Về án phí: Do kháng cáo của nguyên đơn bà Bùi Thị Q1 không được chấp nhận nên bà phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Do kháng cáo của ông Bùi Văn B3 không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, ông B3 là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng Dân sự 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Bùi Thị Q1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn B3.

Giữ nguyên quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 12/2025/DS-ST ngày 11-03-2025 của Tòa án nhân dân thành phố HP.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Bùi Thị Q1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng được đối trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự

phúc thẩm bà Bùi Thị Q1 đã nộp tại B3 lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001171 ngày 24/3/2025 tại Cục thi hành án dân sự thành phố HP. Ông Bùi Văn B3 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm

Ngoài ra, các quyết định của bản án sơ thẩm quy định về chi phí tố tụng và án phí sơ thẩm không kháng cáo được giữ nguyên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Cường